

ĐÀI LOAN - HỒNG KÔNG - MACAO

THỰC THI CHẾ ĐỘ GIÁO DỤC NGHĨA VỤ 9 NĂM - BƯỚC NGOẶT TRONG LỊCH SỬ GIÁO DỤC ĐÀI LOAN

VŨ THÙY DƯƠNG*

Sau hơn nửa thế kỉ phát triển, nền giáo dục Đài Loan đã thu được nhiều thành tựu khả quan. Hệ thống giáo dục từ tiểu học đường đến bậc cao ngày càng được hoàn thiện, hiện đại, với nhiều loại hình giáo dục - đào tạo phong phú... đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như nhu cầu học lên của người dân. Để có được những thành tựu đó, không thể không nhắc đến việc thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm. Bởi, muốn xây dựng một hệ thống giáo dục vững chắc thì yếu tố “nền móng” - giáo dục cơ sở cần phải có sự quan tâm đúng mức.

Trên thực tế, nguyên nhân cơ bản để đi đến quyết định thay đổi mô hình giáo dục cơ sở cũ bằng mô hình giáo dục cơ sở mới là do có những bất cập phát sinh trong quá trình phát triển. Song, để có thể giải quyết được vấn đề thì sự nhanh nhạy trong nắm bắt và triển khai vấn đề của chính quyền đóng vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy, bài viết sẽ đi sâu phân tích những tiền đề của cuộc cải cách giáo dục cùng sự nỗ lực quyết tâm

triển khai thực hiện của chính quyền Đài Loan.

1. Tiền đề thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm

Những kết quả khả quan đạt được trong phát triển giáo dục nghĩa vụ 6 năm ở thời kì trước (1949 - 1967) và cũng do nhiều nhân tố khách quan khác... đã phân nào “gợi ý” cho chính quyền Đài Loan cần nhanh chóng đưa ra giải pháp phát triển giáo dục hợp lí để nâng cao dân trí, ổn định xã hội. Tiền đề để thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm chủ yếu do mấy yếu tố khách quan sau:

- *Áp lực cạnh tranh lên trung học cơ sở ngày càng gay gắt dẫn đến nạn học thêm tràn lan.* Đầu thập niên 60 thế kỉ XX, do đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và ổn định, nhu cầu học lên trung học cơ sở (THCS) của học sinh tiểu học vì thế cũng ngày càng tăng... “cung không đủ cầu” đã đưa đến tình trạng cạnh tranh trong thi cử của những

* Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

học sinh đã tốt nghiệp tiểu học lên THCS trở nên khốc liệt. Hơn nữa, chính nguyện vọng học lên đã gián tiếp đẩy các trường tiểu học công lập vào cuộc cạnh tranh uy tín gay gắt. Hầu như trường nào cũng tìm mọi cách, phương thức bổ túc văn hoá cho học sinh trường mình để học sinh có đủ khả năng thi đỗ vào THCS, thậm chí một số trường ngay từ lớp 4 đã tổ chức học thêm, có nhiều nơi còn bắt học sinh học thêm buổi tối đến tận 10 giờ đêm. Hiện tượng học thêm thực sự đã trở thành vấn nạn trong xã hội lúc đó.

Để từng bước giải quyết tệ nạn nhức nhối đó, trong hai năm 1956 - 1957, Bộ Giáo dục Đài Loan đã quyết định lấy huyện Tân Trúc và Cao Hùng làm nơi thực hiện thí điểm *Phương pháp miễn thi lên THCS*. Sau một thời gian thử nghiệm, đã thu được một số kết quả khả quan: Hiện tượng học thêm tràn lan đã giảm hẳn; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học được lên THCS tăng lên rõ rệt (chỉ riêng ở huyện Tân Trúc, nếu như năm 1954 mới có 40% học sinh tốt nghiệp tiểu học được lên lớp thì sang năm 1955 tăng lên 47% và đến năm 1956 đạt 55% vượt chỉ tiêu “kế hoạch 5 năm” của Bộ Giáo dục đề ra)¹.

Tuy nhiên, *Phương pháp miễn thi lên THCS* sau một thời gian thử nghiệm cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định sau: *Thứ nhất*, tình hình tài chính của các địa phương, huyện thị không đủ để vừa phát triển giáo dục tiểu học vừa phát triển giáo dục THCS. *Thứ hai*, do lên lớp không phải thi tuyển như trước, đưa đến tình trạng học sinh có học lực

không đều nhau, điều này gây ra những trở ngại không nhỏ trong việc giảng dạy của giáo viên. *Thứ ba*, một số cha mẹ học sinh ở huyện Tân Trúc và thành phố Cao Hùng đã tỏ ra nghi ngờ chất lượng học sinh “miễn thi”, cho nên nhiều người đã bắt con em mình thi vào các trường ở những huyện thị lân cận, làm tăng sức ép về thi cử cho học sinh các huyện thị khác.

Trước những hạn chế của phương pháp miễn thi lên THCS, vào tháng 11 năm 1958, Viện Hành chính Đài Loan đã buộc phải chỉ thị cho Bộ Giáo dục bắt đầu từ học kỳ I năm học 1959 - 1960 sẽ tạm dừng *Phương pháp miễn thi lên THCS*, đợi đến khi tình hình tài chính các địa phương khá lên mới tiếp tục tiến hành. Song, trên thực tế nếu dừng ngay thử nghiệm “miễn thi”, nguy cơ học thêm có thể lại bùng phát dữ dội hơn trước. Vì thế, Bộ Giáo dục Đài Loan buộc phải nhanh chóng tiến hành một số biện pháp “cứu nguy” như: đôn đốc và chỉ đạo các trường tiểu học tích cực xây dựng thêm phòng học để giảm thiểu chế độ học nhiều ca; đẩy mạnh nghiên cứu phương pháp dạy học, cải tiến phương pháp dạy học cũ nhằm từng bước nâng cao hiệu quả dạy học và hợp lý hoá công việc giảng dạy ở các trường; mời các chuyên gia nghiên cứu cải tiến phương pháp ra đề thi vào trường THCS, đồng thời quy định đề thi không vượt qua phạm vi chương trình học của trường tiểu học để học sinh không cần học thêm cũng lên lớp được; thi vào THCS được miễn thi môn “thường thức” (bao gồm: giáo dục công dân, lịch sử, địa lí, điều kiện tự nhiên) để giảm bớt khối lượng học cho

học sinh; nghiêm cấm việc in tài liệu tham khảo bừa bãi, các trường tiểu học chỉ được sử dụng sách giáo khoa do Bộ Giáo dục phát hành; quy định giáo viên mỗi tuần chỉ lên lớp 6 ngày, chủ nhật và các ngày nghỉ không được lên lớp; xây dựng chế độ phúc lợi, cải thiện đời sống giáo viên, giúp giáo viên không cần thiết phải dạy thêm để tăng thu nhập.

- *Tỷ lệ chênh lệch quá lớn giữa học sinh tiểu học và học sinh THCS.* Mặc dù chính quyền Đài Loan đã tìm rất nhiều giải pháp khắc phục tình trạng “thất cổ chai” đối với giáo dục THCS, song do lúc bấy giờ mục tiêu giáo dục trọng điểm của chính quyền Đài Loan trong thời kỳ 1949-1967 là ổn định và tăng cường hệ thống giáo dục tiểu học thời Nhật trị, vì vậy giáo dục tiểu học có sự phát triển nhanh chóng, thế nhưng số lượng học sinh tốt nghiệp tiểu học lên THCS vẫn ở mức rất thấp. Năm 1955, học sinh tốt nghiệp tiểu học là 1.244.029 người, trong đó được lên THCS chỉ có 116.192 người. Năm 1965, với các con số tương ứng là 2.257.720 người và 426.822 người². Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này, như đã trình bày là do việc thi cử từ tiểu học lên THCS rất khó khăn, thậm chí số lượng trường THCS chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với số lượng trường tiểu học. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, tính đến năm 1966 số trường THCS (công lập và dân lập) trên toàn đảo chỉ có 320 trường với 9.945 lớp và 533.430 học sinh, trong khi đó số trường tiểu học (công lập, dân lập) có tổng cộng là 2.221 trường với 45.103 lớp, 2.342.734 học sinh³. Thực trạng trên đã gây ra hiện tượng một lượng lớn học sinh tốt nghiệp tiểu học,

nhưng lại thi trượt lên THCS. Như vậy, bất cập nảy sinh trong hệ giáo dục cơ sở của Đài Loan thời kỳ 1949 – 1967 chính là vấn đề “thất học” của học sinh tiểu học.

- *Sự chuyển biến hình thái xã hội và tình trạng phạm tội của thiếu niên ngày một gia tăng.* Nhờ vào kết quả kinh tế khả quan đạt được trong suốt hai thập niên, hình thái kinh tế - xã hội Đài Loan đã dần chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, xã hội công nghiệp đòi hỏi phải có nguồn nhân lực phù hợp. Song, do tình trạng học sinh tốt nghiệp tiểu học quá nhiều, trong khi số học sinh được lên THCS lại quá ít, với độ tuổi 12 và trình độ kiến thức non nớt, lại không có kỹ năng kỹ thuật cần thiết để có thể kiếm được việc làm... tạo nên hiện tượng thiếu niên thi trượt phải nghỉ ở nhà, thất nghiệp ăn bám gia đình hoặc buộc phải tham gia công việc lao động nặng nhọc trước tuổi; làm gia tăng số lượng thiếu niên phạm pháp; gây bất ổn cho xã hội và điều nghiêm trọng hơn là đã khiến cho cả một thế hệ tương lai của Đài Loan chỉ dừng lại ở trình độ tiểu học. Nếu chính quyền không nhanh chóng giải quyết thực tế này, sẽ ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến mặt bằng phát triển của cả nền giáo dục nói chung.

- *Chuyển đổi mô hình kinh tế kéo theo những thay đổi về tổ chức nguồn nhân lực.* Việc chuyển mô hình kinh tế từ phát triển công nghiệp nhẹ cần nhiều lao động, hàm lượng vốn ít sang công nghiệp nặng cần nhiều vốn và kỹ thuật cao, đòi hỏi trình độ người lao động cũng phải có sự điều chỉnh, mới có thể phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất trong các nhà máy,

xí nghiệp... qua đó giúp nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá Đài Loan trên thị trường quốc tế. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phối hợp với sự phát triển kinh tế là một nhu cầu tất yếu đặt ra lúc bấy giờ.

- *Phổ cập giáo dục cơ sở sẽ góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.* Trên thực tế, giáo dục cơ bản có vai trò rất lớn, nhất là trong thời kì đầu tiến hành công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Bởi, phổ cập giáo dục không chỉ dừng lại ở việc tăng lượng trẻ em đến trường, giúp nâng cao dân trí... nếu nhìn rộng ra một chút, giáo dục cơ bản có tác động rất lớn đến nhiều phương diện khác của đời sống xã hội như: thúc đẩy cải tiến sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy việc sử dụng thiết bị công nghệ mới trong sinh hoạt, trong bảo vệ sức khoẻ và chăm sóc trẻ, đồng thời còn giúp nâng cao trình độ văn hoá cho phụ nữ, giúp cha mẹ học sinh nắm bắt được những lợi thế “an sinh xã hội” khác (dịch vụ giáo dục, y tế cộng đồng...) để cải thiện chất lượng cuộc sống gia đình.

- *Nâng cao trình độ tri thức của người dân, góp phần phát huy những giá trị truyền thống.* Phổ cập giáo dục cơ sở không những giúp cải thiện chất lượng cuộc sống xã hội, mà còn có vai trò tích cực trong việc nâng cao mặt bằng tri thức, từ đó nâng cao sự hiểu biết của mỗi người nhằm hạn chế các căn bệnh xã hội, duy trì và phát huy những giá trị truyền thống. Vào năm 1966, chính quyền Đài Loan phát động phong trào *Phục hưng văn hoá Trung Hoa*, trong đó lấy giáo dục con người làm phương pháp để củng cố đạo đức xã hội... làm cho xã hội phát

triển một cách lành mạnh trên tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- *Phù hợp với xu thế kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ chung trên thế giới.* Tại Hội nghị giáo dục nghĩa vụ châu Á do Tổ chức văn hoá - giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) tổ chức vào năm 1960 đã ra kiến nghị: các quốc gia và khu vực ở châu Á từ năm 1960 đến năm 1980 trong vòng 20 năm, ít nhất phải kéo dài thời gian thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ lên 7 năm. Có thể nói, đây là nhân tố khách quan bên ngoài thúc đẩy chính quyền Đài Loan nhanh đi tới quyết định kéo dài chế độ giáo dục nghĩa vụ 6 năm. Hơn nữa, lúc bấy giờ vấn đề kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ đã được nhiều nước thực hiện. Ở một số bang của Mỹ thời gian giáo dục nghĩa vụ là 12 năm, Nhật Bản là 9 năm, phần lớn các nước châu Âu là 8 năm trở lên.

2. Công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm

Ngày 27 - 6 - 1967, trong bài diễn văn tưởng nhớ Tôn Trung Sơn, Tổng thống Đài Loan đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục: “Tiếp theo thành công của chính sách “người cày có ruộng”, phải tăng tốc thi hành kế hoạch giáo dục nghĩa vụ 9 năm, lấy thành quả giáo dục trong cả giai đoạn này để giải quyết vấn đề giáo dục nghĩa vụ 9 năm... chúng ta không thể thoả mãn với hiện trạng giáo dục nghĩa vụ 6 năm... huy động sức mạnh trong xã hội là có thể làm tốt giáo dục nghĩa vụ, bảo đảm giáo dục tốt cho thế hệ mầm non tương lai, cũng có thể xoá bỏ tận gốc nạn học thêm quái ác...”⁴

Trên thực tế, vấn đề đặt nền móng cho việc kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ 6 năm được Đài Loan gây dựng từ lâu. Ngay từ năm 1955, hiện tượng “tắc cổ chai” đối với giáo dục THCS đã xảy ra, Bộ Giáo dục ứng phó bằng *Phương án phát triển THCS*, sau đó phổ biến phương án *Miễn thi lên THCS*, chính sách *Mỗi xã có một trường THCS*, phương án *Kế hoạch 6 năm thực thi học sinh tốt nghiệp tiểu học tự nguyện đi học...* Mục tiêu của các giải pháp này là nhằm mở rộng từng bước đối với hệ thống giáo dục THCS.

Trên tinh thần phải nhanh chóng kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ 6 năm, công tác chuẩn bị đã được Đài Loan tiến hành một cách khẩn trương với việc phân chia nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp lãnh đạo. Viện Hành chính Đài Loan chịu trách nhiệm soạn thảo, ban hành các biện pháp mang tính pháp chế; Bộ Giáo dục giải quyết các chính sách liên quan đến chương trình, giáo trình, đề ra pháp lệnh về vấn đề giáo viên, nhân sự giáo dục... ; Sở Giáo dục là cơ quan thực thi chủ yếu phối hợp với nhiều bộ phận công quyền khác của chính quyền. Cụ thể đối với từng cấp lãnh đạo như sau:

Bộ Giáo dục Đài Loan – cơ quan chủ quản, có trách nhiệm thi hành một số nhiệm vụ như: Đề ra nguyên tắc phân chia khu vực trường trung học theo tuyển và nguyên tắc phụ đạo cho giáo viên THCS tự thực; ban hành chương trình chuẩn THCS; biên soạn sách giáo khoa THCS đồng thời chịu trách nhiệm xuất bản, phát hành; ban hành các pháp lệnh liên quan đến vấn đề

tuyển chọn và huấn luyện Hiệu trưởng và giáo viên THCS.

Đối với chính quyền trung ương, ngoài việc thành lập *Hội đồng thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, theo như kế hoạch nhằm làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, thẩm định kế hoạch, phối hợp nghiên cứu với Tổ chuyên trách trực thuộc Viện Hành chính ra, chính quyền Đài Loan còn kết hợp với Sở Giáo dục Đài Loan cùng chịu trách nhiệm làm các việc cụ thể như: phân chia trường trung học theo tuyển và xây thêm trường THCS; trường THCS được mở thêm lớp; hướng dẫn trường THCS tự thực (học 3 năm) chuyển thành trường THCS (học 9 năm); tiếp nhận các trường THPT, trung học công nghiệp (THCN) cấp huyện, đồng thời ngừng mở trường THCS; chuyển trường THCN cấp huyện sang cho tỉnh quản lý; huấn luyện và cung cấp giáo viên THCS; tuyển chọn, huấn luyện, bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THCS; điều chỉnh và bổ sung biên chế cán bộ quản lý giáo dục tại các huyện thị; tăng cường bồi dưỡng kỹ thuật ứng dụng (mục đích làm cho học sinh tốt nghiệp tiểu học không vào THCS có cơ hội tiếp thu giáo dục kỹ thuật); đào tạo cán bộ quản lý hành chính giáo dục các cấp và trường học; cùng với Bộ Tài chính nghiên cứu dự trù nguồn kinh phí để thực hiện; nghiên cứu và đề ra chính sách miễn học phí cho học sinh THCS có hoàn cảnh khó khăn và thành lập Quỹ khuyến học cho học sinh giỏi, có thành tích học tập xuất sắc; nghiên cứu ban hành các biện pháp đặc biệt nhằm gia tăng lượng học sinh đến

trường ở vùng núi và hải đảo; quy hoạch cụ thể về vấn đề xây dựng trường THCS; quy định những vấn đề cải tiến giáo dục tiểu học 6 năm; soạn thảo và ban hành các vấn đề liên quan đến việc thi tuyển vào THCS năm học 1966 và học sinh tốt nghiệp những khoá trước đó; quy định việc phân tuyến học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học trung học; nghiên cứu đưa ra biện pháp thẩm định chất lượng học sinh THCS; giải đáp thắc mắc các vấn đề liên quan đến vấn đề cải cách giáo dục.

Đối với chính quyền địa phương, chịu trách nhiệm thi hành: Cung cấp tư liệu cần thiết phục vụ cho bộ phận phụ trách công tác trừ bị; đưa ra dự thảo chi tiết về kế hoạch phát triển trường THCS tại địa phương; cung cấp những ý kiến đóng góp của người dân địa phương để Bộ Giáo dục và Viện Hành chính nghiên cứu và kiểm định; dự kiến quỹ đất để có kế hoạch xây dựng thêm trường học đáp ứng nhu cầu tăng lượng học sinh khi triển khai chế độ giáo dục mới; chủ trì và trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng trường THCS mới mở; đôn đốc và hướng dẫn trường trung học kéo dài thời hạn mời giáo viên giảng dạy; tăng cường phương pháp cải tiến giáo dục tiểu học; dự trù kinh phí cần thiết nhằm phối hợp với kế hoạch kinh phí của chính quyền; phân tuyến học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học trường THCS.

Bên cạnh việc phân chia trách nhiệm cụ thể đối với từng cấp lãnh đạo, việc dự trù kinh phí và sử dụng kinh phí đóng vai trò rất quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của cuộc cải cách giáo dục. Chính vì vậy, chính quyền

Đài Loan đặc biệt quan tâm đến vấn đề này. Trước đây, ngoài kinh phí giáo dục chung do chính quyền trung ương cấp, huyện thị cũng đều có ngân quỹ riêng... nhưng khi chuẩn bị tiến hành cải cách chế độ giáo dục nghĩa vụ 6 năm chi phí cho giáo dục sẽ là rất lớn, đòi hỏi phải có một nguồn ngân sách dự phòng. Để tăng dự trữ và sử dụng kinh phí đạt hiệu quả, chính quyền Đài Loan đã thực hiện các giải pháp như sau:

Về dự toán kinh phí thực hiện: Quy định tại điều thứ 11 của *Điều lệ thực thi giáo dục nghĩa vụ 9 năm* đã ghi rõ: "... kinh phí cần thiết cho thực thi giáo dục nghĩa vụ 9 năm do Chi cục thuế các địa phương trừ liệu, thu theo luật thuế và sự phân chia hạn ngạch thu chỉ tài chính. Sau đó báo cáo lên Viện Hành chính thẩm định và thực hiện..."⁵. Như vậy, ngân sách dự trù cho giáo dục nghĩa vụ 9 năm được thu qua các khoản thuế khoá trong xã hội và các khoản thu khác. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn trực tiếp tăng thêm ngân sách giáo dục cho địa phương mình bằng nhiều cách khác nhau, ví dụ như: tăng tiền học phí của học sinh THPT và THCN (mỗi học sinh một năm phải nộp 220 Đài tệ), tiết kiệm nguồn ngân sách giáo dục chung và lấy từ Quỹ viện trợ văn hoá - giáo dục của Mỹ.

Về sử dụng ngân sách: Chính quyền Đài Loan đề ra quy định rất chặt chẽ trong việc sử dụng kinh phí giáo dục. Bởi, kinh phí là điều kiện cơ bản để thực thi các kế hoạch và chính sách cải cách giáo dục. Để đảm bảo tính công bằng, chính quyền sẽ thống nhất hoạch định

kinh phí cần thiết cho các địa phương dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương, tránh hiện tượng sử dụng không hợp lí. Huyện thị có trách nhiệm lập bảng dự tính số thu để lên kế hoạch chi phí sát thực, tránh tình trạng công việc không tiến triển được vì bị kinh phí “kìm hãm”. Nếu kinh phí thu của huyện thị không đủ để đẩy nhanh giáo dục THCS, chính quyền Đài Loan sẽ cung cấp thêm khoản kinh phí hỗ trợ nhằm thúc đẩy giáo dục THCS có sự phát triển đồng đều giữa các vùng. Địa phương và nhà trường sử dụng nguồn kinh phí cho giáo dục nghĩa vụ 9 năm, đều phải đưa vào dự toán cụ thể để tiện cho công tác thanh tra giáo dục sau này. Ngoài ra, để xúc tiến việc triển khai chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên diện rộng, chính quyền Đài Loan chấp nhận cho các địa phương do điều kiện chưa kịp hoàn thành dự toán kinh phí cần thiết được tạm ứng trước kinh phí hoạt động.

Bắt đầu từ năm 1963, Bộ Giáo dục Đài Loan đã tiến hành nghiên cứu dự thảo các phương án kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ lên 8 năm. Đến năm 1966, chính quyền thi hành từng bước trên toàn Đài Loan chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm, huỷ bỏ chế độ thi chuyển cấp từ tiểu học lên THCS. Sau một thời gian thử nghiệm và đã thu được nhiều kết quả khả quan đến ngày 3 - 8 - 1967, Viện Hành chính Đài Loan quyết định ban hành *Cương lĩnh chủ yếu thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, trong đó có những quy định: Thời gian giáo dục nghĩa vụ được kéo dài lên thành

9 năm (nhập 3 năm THCS vào 6 năm giáo dục tiểu học); giáo trình cấp THCS phải coi trọng giáo dục đạo đức, giáo dục dân tộc và giáo dục xã hội, nhưng vẫn phải chú ý tăng cường giáo dục dạy nghề, huấn luyện kỹ năng lao động, sản xuất... để có thể đáp ứng nhu cầu tìm việc làm và tiếp tục học lên của học sinh sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, *Cương lĩnh chủ yếu thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, còn có các quy định về một số phương diện khác như: tố chất giáo viên, xây dựng trường, lớp,...

Cùng với việc nghiên cứu và ban hành các quy chế kéo dài thời gian giáo dục nghĩa vụ, chính quyền Đài Loan còn chú trọng đến công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng nhân sự giáo dục khi tiến hành triển khai trên diện rộng chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm. Biện pháp *Tuyển dụng và điều động nhân lực giáo dục THCS dự trữ*, được ban hành vào tháng 4 năm 1965, sau đó tiếp tục bổ sung, sửa đổi vào các năm 1966, 1967, 1968. Biện pháp này quy định rất chặt chẽ về vấn đề bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THCS, tiêu chuẩn giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn...

Bên cạnh việc thực hiện chuẩn hoá đối với giáo viên THCS, chính quyền Đài Loan còn quan tâm đến vấn đề bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ của giáo viên đang tham gia giảng dạy tại những trường THPT. Từ năm 1968, Bộ Giáo dục đã chỉ đạo cho các trường sư phạm chuyên khoa mở thêm *lớp học mùa hè chế độ 2 năm* cho giáo viên tiểu

học, THCS đăng kí vào học. Điều kiện đăng kí vào học bao gồm: tốt nghiệp trường chuyên khoa hệ 3 năm; hoặc tốt nghiệp khoa sư phạm đặc biệt hệ một năm; tốt nghiệp trường THPT trở lên (kể cả công lập và tư lập); những người tốt nghiệp trường bổ túc cao cấp hay trường bổ túc chức nghiệp đã được Sở Giáo dục tại địa phương đó kiểm tra, thẩm định đủ tư cách dự thi (gồm công lập và tư lập); nhân viên công vụ, nhân viên hành chính giáo dục cao cấp đã đỗ trong các kì thi sát hạch của Sở Giáo dục. Thông qua loại hình giáo dục này, giúp Đài Loan cải thiện đáng kể tổ chất giáo viên THCS (từ thập niên 70 trở về sau, hầu hết giáo viên THCS Đài Loan đều có học vị Thạc sĩ).

Phổ cập giáo dục cơ sở 9 năm có nghĩa là nhu cầu về trường, lớp sẽ là rất lớn. Cùng với việc tăng nguồn giáo viên dự trữ, chính quyền Đài Loan còn chú trọng đến vấn đề xây dựng thêm trường để công tác thực thi kéo dài chế độ giáo dục nghĩa vụ đạt kết quả tốt. Trước năm học 1965, các trường THCS cấp tỉnh, huyện không nhiều, bắt đầu từ năm học 1967 – 1968, Sở Giáo dục Đài Loan đã đứng ra chủ trì Hội nghị bàn về *Những vấn đề xây dựng trường, lớp mới cho giáo dục nghĩa vụ 9 năm của Đài Loan*, mục đích là phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan khác trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở học tập mới, nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn cơ bản (diện tích, hình thức, hướng, ánh sáng, cách âm, chống nóng, thông gió...) nhằm chuẩn bị cho lượng học sinh nhập học THCS sẽ tăng sau khi chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm ban hành.

Trên cơ sở những tiền đề cần thiết đã được chuẩn bị kĩ càng và đã chín muồi... Ngày 27-1-1968, chính quyền Đài Loan chính thức công bố *Điều lệ thực thi giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, nhập chương trình giáo dục 3 năm THCS vào giai đoạn hai của hệ giáo dục phổ cập, nâng thời gian giáo dục nghĩa vụ bắt buộc lên thành 9 năm. Thực hiện theo điều lệ giáo dục nghĩa vụ mới, các trường trung học ở đảo Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn và Mã Tổ đều đồng loạt tổ chức lễ khai giảng năm học mới vào ngày 9-9-1968. Từ đây, việc giáo dục không còn sự cường điệu chuẩn bị thi lên THCS mà coi trọng việc giáo dục cơ sở. Đây có thể xem là bước tiến mới, đánh dấu thời kì chuyển đổi cả về lượng và chất của giáo dục Đài Loan. Bởi vì, đồng thời với quy định này, đương nhiên Đài Loan phải đầu tư nhiều hơn kinh phí cho giáo dục, hỗ trợ nhiều hơn cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... thời gian học trong nhà trường của học sinh được kéo dài hơn cũng tức là khối lượng kiến thức mà học sinh tiếp thu sẽ phong phú hơn, nhờ đó trình độ dân trí sẽ ngày càng nâng cao.

Có thể nói, thành quả giáo dục nghĩa vụ 9 năm là rất lớn, có ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống xã hội như: văn hoá - giáo dục, kinh tế - xã hội... Việc thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm đã thúc đẩy sự đổi mới toàn diện về giáo dục. Hiện tượng học thêm được giải quyết triệt để, tình trạng thất học của học sinh tiểu học ở thành thị không những chấm dứt, mà còn giúp học sinh ở nông thôn và miền núi có thêm nhiều

cơ hội học tập hơn, hạn chế tối đa các vấn nạn cho xã hội: lao động trẻ em ít bị lợi dụng hơn, quyền trẻ em được bảo đảm hơn, tội phạm lứa tuổi vị thành niên giảm xuống, phân đông cha mẹ học sinh yên tâm công tác vì con cái họ được hưởng chế độ giáo dục tốt, trình độ của người lao động được cải thiện và nâng cao đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế... Theo thống kê, nếu năm 1951, chỉ có 31% học sinh tốt nghiệp tiểu học được tiếp tục học lên, đến năm 1961 đã tăng lên 51%, năm 1971 là 80% và đạt 96% năm 1980⁶. Số lượng trường, lớp THCS cũng được tăng thêm đáng kể: năm 1968 mới chỉ có 487 trường, 11.459 lớp; năm 1975 là 605 trường, 19.908 lớp; đến năm 1983 tăng lên là 669 trường, 23.816 lớp⁷. Cho đến năm 1975, về cơ bản Đài Loan đã xoá được nạn mù chữ, tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, đó là cố gắng không mệt mỏi, cũng là thành công lớn trong sự nghiệp giáo dục của Đài Loan. Kể từ năm 1980, Đài Loan hầu như đã thực hiện xong mục tiêu đưa toàn bộ học sinh tiểu học tiếp tục học lên hệ THCS.

Tóm lại, việc thực thi chế độ *Giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, đã làm cho số lượng học sinh đến trường ở Đài Loan ngày một nhiều hơn, mặt bằng dân trí đã có sự cải thiện đáng kể... Trong đó, lợi ích thiết thực nhất mà giáo dục nghĩa vụ 9 năm đem lại chính là do chương trình giáo dục phổ cập ngày càng được hoàn thiện và nâng cao nên nhiều học sinh sau khi học xong bậc THCS đã trưởng thành nhanh chóng và đủ trình độ thi đỗ vào

các trường THPT hoặc THCN. Chính vì vậy, sau một thời gian thực hiện chế độ *Giáo dục nghĩa vụ 9 năm*, Đài Loan đã xoá bỏ hệ thống trường THCS dạy nghề 2 năm trước đây dành cho học sinh tốt nghiệp tiểu học cần kiếm việc làm, không có khả năng, điều kiện học tiếp.

Có thể nói, việc thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm là một sự kiện quan trọng trong lịch sử giáo dục Đài Loan, đánh dấu một bước ngoặt trên con đường phát triển của hệ giáo dục phổ thông nói riêng và cả nền giáo dục Đài Loan nói chung.



CHÚ THÍCH:

(1),(5). Uông Trí Đình, *Tuyển tập mới về lịch sử giáo dục Đài Loan*, Công ty Đài Loan Nam Vụ phát hành, 1978, tr.272 - 384.

(2),(3),(7). *Thống kê giáo dục Đài Loan 2003*, Bộ Giáo dục Đài Loan phát hành, tr. 4 - 6 - 16 - 18 - 20.

(4). Từ Nam Hào, *Lịch sử giáo dục Đài Loan*, Nxb Trường đại học sư phạm, 1993, tr.294.

(6). Chien Liu, Michael Amer: *Ảnh hưởng của giáo dục đến tăng trưởng kinh tế ở Đài Loan*, Nxb đại học Chicago, 1993, tr.316.